TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 494/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 12 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 466/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Anh Vĩnh K, sinh năm 1971;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 93 đường P, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 93 đường P, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 83 đường T, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phước Bảo T, sinh ngày 11/7/2009. Hiện nay cháu Nguyễn Phước Bảo T đang ở với chị Đỗ Thị Thanh H. Nay thuận tình ly hôn anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Phước Bảo T, sinh ngày 11/7/2009 cho chị Đỗ Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến lúc cháu đủ 18 tuổi; Anh Vĩnh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Nguyễn Phước Bảo T mỗi tháng 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến lúc cháu Bảo T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Vĩnh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí lý hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 005929 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Anh Vĩnh K và chị Đỗ Thị Thanh H ĐKKH, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 63, Quyển số: 01/2008, ngày 11/11/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn